

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**  
**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

**Thư ký phiên họp:** Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 174/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số: 65/2024/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Vũ Thị A, sinh năm 1974; thường trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phan Thị L, sinh năm 1965; thường trú: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần C; trụ sở: Lô C, đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Duy H, sinh năm 1960; địa chỉ: H L, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/7/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 02/7/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, bà Vũ Thị A trình bày:

Bà bắt đầu đi làm công nhân tại các công ty từ khoảng năm 2004, sau đó chuyển qua làm việc tại Công ty TNHH MTV T1 từ tháng 3/2010 đến tháng 02/2019, được một thời gian tiếp tục chuyển qua làm cho Công ty C từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2024. Bà làm công việc toàn thời gian, trong thời gian làm tại Công ty T1 thì bà làm tạp vụ. Toàn bộ thời gian bà làm cho các công ty trên đều được công ty T2, bảo hiểm y tế đầy đủ, mã 9104168083. Hiện nay từ 01/7/2024 bà đã xin nghỉ việc không đi làm công ty nữa.

Bà có chị chồng tên Phan Thị L, sinh năm 1965, thường trú: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Khoảng tháng 4/2011 bà L có nói về việc muốn đi làm công ty nhưng do bà L bị thất lạc giấy tờ nên muốn mượn chứng minh nhân dân số 151627179, hồ sơ của bà để xin việc. Bà cho bà L mượn chứng minh và sơ yếu lý lịch kèm theo và bà L tự đến Công ty cổ phần C (nay là Công ty Cổ phần C) để xin việc làm, sau khi nộp hồ sơ thì được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động tuy nhiên đã lâu nên không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng. Người trực tiếp ký hợp đồng với Công ty Cổ phần C là bà L chứ không phải bà, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên bà. Bà L làm việc tại Công ty Cổ phần C dưới tên bà, công việc là công nhân chặt gia công từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019, làm việc toàn thời gian, thỉnh thoảng tăng ca, ngoài ra không làm việc ở bất cứ công ty nào khác. Trong thời gian này bà L được Công ty C đóng bảo hiểm với mã số 7411147584. Từ tháng 3/2019 bà L nghỉ việc ở nhà.

Do thời điểm năm 2011 hoàn cảnh khó khăn nên bà chỉ nghĩ cho bà L mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Thời điểm này cũng có nhiều người cho mượn giấy tờ nên bà cũng không nghĩ sẽ dẫn đến trùng bảo hiểm như hôm nay. Bà chỉ cho bà L mượn chứng minh để làm việc ở Công ty cổ phần C (nay là Công ty Cổ phần C) thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019, ngoài ra không cho ai mượn thời gian nào khác. Thời gian bà L đóng bảo hiểm đã được chốt sổ nhưng chưa nhận chế độ.

Từ năm 2024 bà được biết nếu bị trùng bảo hiểm thì sẽ không thể làm thủ tục gộp bảo hiểm được, bà có đến cơ quan bảo hiểm xã hội để hỏi và được biết bà bị trùng bảo hiểm trong thời gian cho bà L mượn hồ sơ từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đứng tên bà (do bà L ký) với Công ty Cổ phần C. Mục đích: để khôi phục đúng thông tin làm việc thực tế, có căn cứ liên hệ cơ quan bảo hiểm giảm trừ thời gian trùng bảo hiểm cho bà.

Bà chưa hưởng chế độ bảo hiểm gì của khoảng thời gian bà L tham gia bảo hiểm tại Công ty Cổ phần C. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa bà L và Công ty Cổ phần C đã chấm dứt, đối với các chế độ bảo hiểm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết sau khi Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng theo quy định, không yêu cầu Tòa án xem xét. Bà không có yêu cầu gì về chế độ bảo hiểm đối với thời gian bà L tham gia bảo hiểm dưới tên bà.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2024, bà Phan Thị L trình bày:*

Bà là chị chồng của bà Vũ Thị A. Bà bắt đầu vào D và xin việc từ khoảng năm 2007, công ty có đóng bảo hiểm cho bà nhưng bà nghỉ ngang không rõ chốt sổ chưa.

Đến năm 2011 bà muốn đổi qua công ty khác làm việc nhưng bị thất lạc giấy tờ nên bà hỏi mượn chứng minh nhân dân của bà Vũ Thị A để làm hồ sơ nộp vào công ty, bà Vũ Thị A đồng ý cho bà mượn chứng minh nhân dân số 151627179 do Công an tỉnh T cấp cho Vũ Thị A. Sau khi mượn chứng minh và làm đầy đủ hồ sơ thì bà nộp hồ sơ xin việc ở Công ty cổ phần C (nay là Công ty Cổ phần C) để xin việc làm, sau đó được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động. Do đã lâu nên bà không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng, cũng không giữ bản hợp đồng nào. Người trực tiếp ký hợp đồng với công ty C là bà chứ không phải bà Vũ Thị A, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên bà A. Bà trực tiếp làm việc ở Công ty Cổ phần C với vị trí là công nhân chặt gia công. Tới tháng 02/2019 bà xin nghỉ việc ở Công ty Cổ phần C, đã chốt sổ nhưng chưa nhận chế độ. Bà có đang giữ sổ bảo hiểm trong thời gian làm việc ở Công ty C. Hiện bà ở nhà chăm sóc gia đình, không đi làm và cũng không đóng bảo hiểm xã hội.

Mục đích bà mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác.

Nay bà Vũ Thị A yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Vũ Thị A và Công ty C vô hiệu do bà mới là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp ở Công ty Cổ phần C thì bà đồng ý do hoàn toàn đúng với thực tế. Đề nghị Toà án giải quyết cho bà Vũ Thị A để bà Vũ Thị A được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định. Bà vẫn mong muốn được công ty C ký lại hợp đồng để được hưởng chế độ bảo hiểm trong thời gian này. Tuy nhiên bà sẽ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để làm thủ tục, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết trong vụ án này. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

*Tại Bản tự khai ngày 15-7-2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần C) cho người lao động thì Công ty Cổ phần C có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Vũ Thị A, sinh năm 1974, số CMND 151627179, số CCCD 034174001461 với mã số BHXH 7411147584 từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019, chưa nhận trợ cấp BHXH. Ngoài ra bà Vũ Thị A còn có mã số 9104168083 tham gia BHXH từ tháng 12/2004 đến tháng 02/2010 tại Công ty TNHH C1; từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2019 tại Công ty TNHH MTV T1. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Vũ Thị A, BHXH thành phố D không lưu trữ những hồ sơ này.

Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Vũ Thị A, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 361, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán chủ tọa, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung việc lao động: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả phiên họp xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị A.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc lao động là bà Vũ Thị A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L, Bảo hiểm xã hội thành phố D vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty Cổ phần C đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thông nhất: Trong thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019, người lao động tên Vũ Thị A, sinh năm 1974, số chứng minh nhân dân 151627179, số căn cước công dân 034174001461 được Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần C) tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 7411147584. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần C và bà Vũ Thị A phát sinh từ hợp đồng lao động (không nhớ ngày tháng). Tuy nhiên, bà Vũ Thị A và bà Phan Thị L thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần C trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019 theo hợp đồng lao động là bà Phan Thị L chứ không phải bà Vũ Thị A do bà L mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà A để đi làm việc. Đối với bà A trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH MTV T1. Mục đích mượn giấy tờ là để bà L có việc làm chứ không nhằm mục đích gì khác. Trình bày của bà A và bà L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội thành phố D về việc bà Vũ Thị A có thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019, tham gia tại Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH MTV T1. Xét thấy việc bà L lấy tên bà A để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Vũ Thị A yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa bà A (do bà L mượn tên) với Công ty Cổ phần C là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng không có ý kiến phản đối. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Vũ Thị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị A về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Vũ Thị A và Công ty Cổ phần C (thời gian làm việc từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2019) vô hiệu.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Vũ Thị A chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001127 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ;

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**